

Bản án số: 52/2018/HS-ST

Ngày: 28 - 11 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Quách Hà Vĩnh

Bà Nguyễn Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Tư - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Tạ Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 46/2018/TLST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXXST-HS, ngày 14 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Mạnh Th; sinh năm 1978; tại xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn Dọc Dành, xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn N; con bà: Trịnh Thị Q; có vợ là Nguyễn Thị Th và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; bị tạm giữ 04 ngày, kể từ ngày 18/8/2018, đến ngày 22/8/2018, sau đó bị khởi tố, thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Văn T; sinh năm: 1982; tại xã Thành An, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn Dĩ Thắng, xã Thành An, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá 9/12; dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn Đ (đã chết); con bà: Đinh Thị V; có vợ là Bùi Thị L và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; bị tạm giữ 02 ngày, kể từ ngày 20/8/2018, đến ngày 22/8/2018, sau đó bị khởi tố, thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Bùi Văn T1; sinh năm: 1992; tại xã Thành An, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn Hòa Lễ, xã Thành An, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá 9/12; dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn H; con bà: Nguyễn Thị S; có vợ là Trần Thị Ph và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; bị tạm giữ 03 ngày, kể từ ngày 19/8/2018, đến ngày 22/8/2018, sau đó bị khởi tố, thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4. Bùi Đình Gi; sinh năm: 1990; tại xã Thành An, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn Hòa Lễ, xã Thành An, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Đình M; con bà: Phạm Thị H; có vợ là Bùi Thị Tr và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; bị tạm giữ 04 ngày, kể từ ngày 18/8/2018, đến ngày 22/8/2018, sau đó bị khởi tố, thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

5. Đỗ Anh T2; sinh năm: 1988; tại xã Thành Kim, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Khu 5, thị trấn Kim Tân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Đình Th; con bà: Trịnh Thị T; có vợ là Bùi Thị H và có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; bị tạm giữ 04 ngày, kể từ ngày 18/8/2018, đến ngày 22/8/2018, sau đó bị khởi tố, thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

6. Trịnh Xuân L; sinh năm: 1979; tại xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn Ngọc Long, xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá 4/12; dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trịnh Đình T; con bà: Mai Thị Th; có vợ là Quách Thị Đ và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; bị tạm giữ 03 ngày, kể từ ngày 18/8/2018, đến ngày 21/8/2018, sau đó bị khởi tố, áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

7. Bùi Văn H; sinh năm: 1986; tại xã Thành An, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn Hòa Lễ, xã Thành An, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá 9/12; dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn L; con bà: Phạm Thị M; có vợ là Bùi Thị H và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; bị tạm giữ 03 ngày, kể từ ngày 19/8/2018, đến ngày 22/8/2018, sau đó bị khởi tố, thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

8. Phạm Đức H1; sinh năm: 1974; tại xã Thành An, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn Hòa Lễ, xã Thành An, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá 7/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Đức Đ (đã chết); con bà: Cao Thị T (đã chết); có vợ là Bùi Thị Q và có 02 con; tiền sự:

Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; bị tạm giữ 03 ngày, kể từ ngày 19/8/2018, đến ngày 22/8/2018, sau đó bị khởi tố, thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Xuân L:* Bà Lê Thị L, Trợ giúp viên pháp lý, công tác tại Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 08, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hoá. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 14 giờ, ngày 18/8/2018, sau khi uống rượu xong tại nhà Phạm Đức H1 thì Nguyễn Mạnh Th, Bùi Văn T1, Bùi Đình G và Bùi Văn T rủ nhau đánh bài ba cây cầm chương ăn tiền, mỗi ván đặt cửa 50.000 đồng, rồi lấy bộ bài tú lơ khơ, chọn ra 36 lá bài từ A (át) đến 9 để sử dụng. Trong mỗi ván chơi, người cầm chương chia cho mỗi người ba lá bài để cộng điểm phân định thắng thua. Nếu ván chơi nào có người được tổng điểm là 10 hoặc 20, thì số tiền thắng thua được tính gấp đôi số tiền đặt cửa và người này sẽ cầm chương trong ván chơi kế tiếp. Cả bốn chơi được một lúc thì có thêm Đỗ Anh T2, Trịnh Xuân L và Bùi Văn H lần lượt vào tham gia đánh bạc cùng. Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày, trong lúc những người trên đang sát phạt nhau trên chiếu bạc thì bị tổ công tác Công an huyện Thạch Thành phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Mạnh Th, Đỗ Anh T2, Trịnh Xuân L, Bùi Đình G về hành vi đánh bạc trái phép, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 10.250.000 đồng; 36 lá bài tú lơ khơ từ A (át) đến 9; 01 chiếc chiếu nhựa. Ngoài ra, tổ công tác còn thu giữ 02 chiếc điện thoại di động của các bị cáo và 05 chiếc xe mô tô tại khu vực đánh bạc để phục vụ công tác điều tra; còn Bùi Văn T1, Bùi Văn T, Bùi Văn H bỏ chạy khỏi hiện trường. Đến ngày 19/8/2018, T1, H và Phạm Đức H1 đến Công an huyện Thạch Thành đầu thú; tiếp đó đến ngày 20/8/2018 T ra đầu thú.

Quá trình điều tra xác định, Phạm Đức H1 là chủ nhà, tuy không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng đã đồng ý cho các đối tượng trên đánh bạc tại nơi ở của mình. Ngoài ra, quá trình đánh bạc, H1 còn cho Nguyễn Mạnh Th vay 4.000.000 đồng, Đỗ Anh T2 vay 1.000.000 đồng để tham gia đánh bạc.

Về nguồn gốc bộ bài tú lơ khơ các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, quá trình điều tra các bị cáo khai có một người đi mua về, nhưng không xác định được là ai, nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để mở rộng điều tra vụ án, xử lý đối với người này.

Xác minh điều kiện tài sản, thu nhập của các bị cáo xác định, các bị cáo có tài sản có giá trị đáng kể.

Tại bản cáo trạng số 45/CT-VKSTT ngày 15/10/2018, Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố các bị cáo Nguyễn Mạnh Th, Bùi Văn T, Bùi Văn T1, Bùi Đình Gi, Đỗ Anh T2, Trịnh Xuân L, Bùi Văn H, Phạm Đức H1 về tội Đánh bạc quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS);

Tại phiên tòa, đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Th, T, T1, Gi, T2, H. Đối với bị cáo Phạm Đức H1, giai đoạn xét xử và tại phiên tòa xác định, H1 đã cho các bị cáo khác sử dụng nhà ở của mình để đánh bạc nhưng không thu lời bất chính, cho bị cáo Th, T2 vay tiền tham gia đánh bạc không vì động cơ

vụ lợi và bị cáo Trịnh Xuân L có gia đình thuộc hộ cận nghèo nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo H1 và bị cáo L, đại diện VKSND rút một phần quyết định truy tố về việc áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo Phạm Đức H1, Trịnh Xuân L.

Đại diện VKSND đề nghị:

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58; Điều 65 BLHS đối với các bị cáo Nguyễn Mạnh Th, Bùi Đình Gi:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh Th mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, kể từ ngày tuyên án; Phạt tiền bổ sung đối với bị cáo 10.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Bùi Đình Gi mức án từ 06 đến 09 tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, kể từ ngày tuyên án; Phạt tiền bổ sung đối với bị cáo 10.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58; Điều 65 BLHS đối với các bị cáo Bùi Văn T, Bùi Văn T1:

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T mức án từ 06 đến 09 tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, kể từ ngày tuyên án; Phạt tiền bổ sung đối với bị cáo 10.000.000 đồng.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T1 mức án từ 06 đến 09 tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, kể từ ngày tuyên án; Phạt tiền bổ sung đối với bị cáo 10.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 36; Điều 58 BLHS, xử phạt bị cáo Đỗ Anh T2 mức án từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian chấp hành án, bị cáo được tính trừ 12 ngày do quy đổi 04 ngày tạm giữ trước đó vào thời gian chấp hành án; Phạt tiền bổ sung đối với bị cáo 10.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 36; Điều 58 BLHS, xử phạt bị cáo Bùi Văn H mức án từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ; khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian chấp hành án. Bị cáo được tính trừ 09 ngày do quy đổi 03 ngày tạm giữ trước đó vào thời gian chấp hành án; Phạt tiền bổ sung đối với bị cáo 10.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 BLHS đối với các bị cáo Trịnh Xuân L, Phạm Đức H1:

Xử phạt bị cáo Trịnh Xuân L mức án từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ; khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian chấp hành án. Bị cáo được tính trừ 09 ngày do quy đổi 03 ngày tạm giữ trước đó vào thời gian chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Phạm Đức H1 mức án từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ; khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian chấp hành án, bị cáo được tính trừ 09 ngày do quy đổi 03 ngày tạm giữ trước đó vào thời gian chấp

hành án.

Về vật chứng: Thông qua bắt quả tang, Cơ quan điều tra đã thu giữ: Tiền Việt Nam: 10.250.000 đồng; 36 lá bài tứ lơ khơ từ A (át) đến 9; 01 chiếc chiếu nhựa; 02 chiếc điện thoại di động; 05 chiếc xe mô tô. Quá trình điều tra đã xác minh, làm rõ 02 chiếc điện thoại di động và 05 chiếc xe mô tô thu giữ nêu trên là tài sản hợp pháp của các bị cáo và của khách đến nhà H1 không liên quan đến vụ án, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho các bị cáo và chủ sở hữu hợp pháp tài sản, nên không xem xét.

- Đối với số tiền 10.250.000 đồng là phương tiện phạm tội của các bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS) tuyên tịch thu sung Ngân sách nhà nước.

- Đối với 36 lá bài tứ lơ khơ từ A (át) đến 9; 01 chiếc chiếu nhựa là công cụ phạm tội của các bị cáo nên đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tuyên tịch thu, tiêu hủy.

Về án phí: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 buộc các bị cáo T1, T, Gi, Th, T2, Hùng, H1 phải chịu án phí theo quy định. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, đề nghị HĐXX miễn án phí cho bị cáo L.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Th thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã cùng T1, Gi, T tham gia đánh bạc tại nhà của H1. Các bị cáo tham gia đánh bạc dưới hình thức ba cây côm chương ăn tiền. Cả bọn chơi được một lúc thì có thêm T2, L và H lần lượt vào tham gia đánh bạc cùng. H1 không tham gia đánh bạc cùng các bị cáo mà chỉ ngồi xem và ai hỏi vay tiền thì H1 cho vay. Đến khoảng 15 giờ 30 phút, trong lúc các bị cáo đang đánh bạc thì bị tổ công tác Công an huyện Thạch Thành phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Bị cáo H1 khai nhận, bị cáo đã cho các bị cáo khác đánh bạc ăn tiền tại nơi ở của mình. Bị cáo không tham gia đánh bạc nhưng bị cáo cho bị cáo Th vay 4.000.000 đồng, bị cáo T2 vay 1.000.000 đồng để tham gia đánh bạc.

Các bị cáo T1, Gi, T, L, H, T2 thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố và như lời khai của bị cáo Th, H1 đã khai báo ở trên.

Người bào chữa cho bị cáo L đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 BLHS để tuyên phạt bị cáo L mức hình phạt từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ và đề nghị áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 để miễn nộp tiền án phí hình sự cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo còn thuộc hộ cận nghèo, không có nghề nghiệp, không có thu nhập. Do đó, đề nghị HĐXX xem xét đến tình hình tài sản, khả năng thi hành án của bị cáo để miễn hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

Trong lời sau cùng, các bị cáo thừa nhận tội và đề nghị HĐXX cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HĐXX:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy:

Lời khai nhận của các bị cáo tại tòa, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Mạnh Th, Bùi Văn T, Bùi Văn T1, Bùi Đình Gi, Đỗ Anh T2, Trịnh Xuân L, Bùi Văn H đã cùng nhau đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh bài tú lơ khơ ba cây cầm chương ăn tiền tại nhà Phạm Đức H1. Bị cáo H1 tuy không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng đã sử dụng nơi ở của mình cho 07 người đánh bạc trong cùng một lúc, với số tiền đánh bạc được xác định là 10.250.000 đồng, ngoài ra H còn cho Th, T2 vay tiền đánh bạc. Hành vi của H1 là hành vi gá bạc nhưng chưa đến mức xử lý hình sự về tội Gá bạc, tuy nhiên H1 vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Đánh bạc, với vai trò đồng phạm giúp sức. Tuy nhiên, giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa xác định, bị cáo H1 cho các bị cáo khác sử dụng nhà ở của mình để đánh bạc nhưng không thu lời bất chính, bị cáo cho bị cáo Th, T2 vay tiền tham gia đánh bạc không vì động cơ vụ lợi; bị cáo Trịnh Xuân L có gia đình thuộc hộ cận nghèo, tại phiên tòa, VKSND đề nghị rút một phần quyết định truy tố về việc áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo H1 và L, nghị nên chấp nhận đề nghị này.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Th, T, T1, Gi, T2, H đã có hành vi phạm vào khoản 1, khoản 3 Điều 321 BLHS. Bị cáo H1, L đã có hành vi phạm vào khoản 1 Điều 321 BLHS.

Đây là vụ án hình sự đánh bạc ít nghiêm trọng, có tính chất đồng phạm giản đơn do Nguyễn Mạnh Th và các đồng phạm thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn. Vì vậy, cần xem xét, xử lý các bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội để ngăn chặn, đẩy lùi loại tội phạm này.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội đều không có tình tiết tăng nặng.

Bị cáo Th cùng với các bị cáo T, T1, Gi tham gia đánh bạc từ đầu nên có vai trò thứ nhất. Tuy nhiên, các bị cáo “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, các bị cáo T1, T còn có thêm tình tiết giảm nhẹ “Đầu thú”; nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Các bị cáo có nhân thân tốt, thể hiện ở chỗ chưa có tiền án, tiền sự,

có nơi cư trú rõ ràng, nghĩ không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội, cần áp dụng Điều 65 BLHS để cho các bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo T2, L, H tham gia đánh bạc sau, có thời gian đánh bạc ít hơn nên có vai trò thứ hai. Bị cáo H tuy không tham gia đánh bạc nhưng tham gia với vai trò giúp sức cho các bị cáo khác đánh bạc nên có vai trò thứ ba trong vụ án. Các bị cáo “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra bị cáo H, H1 còn có thêm tình tiết giảm nhẹ là “Đầu thú”; bị cáo L có chú ruột là liệt sỹ, hiện do bị cáo và gia đình thờ cúng, cần cho các bị cáo H, H1, L được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS; Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, nghĩ không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội. Cần áp dụng Điều 36 BLHS để áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo. Các bị cáo có lao động, có thu nhập, nghĩ cần khấu trừ 10% thu nhập trong thời gian cải tạo không giam giữ sung Ngân sách Nhà nước. Tại tòa, bị cáo T2 trình bày có thu nhập hàng tháng 3.000.000đ; bị cáo L 3.000.000đ; bị cáo H 3.000.000đ; bị cáo H1 2.000.000đ, nên số tiền khấu trừ hàng tháng của bị cáo T2 là 300.000đ; bị cáo L là 300.000đ; bị cáo H là 300.000đ; bị cáo H là 200.000đ.

Bị cáo T2 bị tạm giữ từ trước 04 (Bốn) ngày sẽ được quy đổi thành 12 (Mười hai) ngày; các bị cáo L, H, H1 bị tạm giữ từ trước 03 (Ba) ngày sẽ được quy đổi thành 09 (Chín) ngày để trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

[4] Về hình phạt tiền bổ sung: Các bị cáo phạm tội do vụ lợi, quá trình điều tra, xác minh điều kiện tài sản, thu nhập của các bị cáo Th, T, T1, Gi, H, T2 xác định các bị cáo có tài sản có giá trị đáng kể, cần áp dụng khoản 3 Điều 321, Điều 35 BLHS để phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo. Bị H1 phạm tội không thu lời bất chính, không vì động cơ vụ lợi và bị cáo L có gia đình thuộc hộ cận nghèo nên không phạt tiền bổ sung đối với bị cáo H1, L.

[5] Về xử lý vật chứng: Số tiền 10.250.000 đồng là phương tiện phạm tội của các bị cáo cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước. 36 lá bài tú lơ khơ từ A (át) đến 9; 01 chiếc chiếu nhựa là công cụ phạm tội, không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tại tòa, bị cáo L và người bào chữa cho bị cáo đề nghị miễn tiền án phí cho bị cáo, theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bị cáo L thuộc trường hợp được miễn án phí, vì vậy, cần miễn án phí đối với bị cáo.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Mạnh Th, Bùi Văn T, Bùi Văn T1, Bùi Đình Gi, Đỗ Anh T2, Trịnh Xuân L, Bùi Văn H, Phạm Đức H1 phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58; Điều 65 BLHS đối với các bị cáo Nguyễn Mạnh Th, Bùi Đình Gi:

Xử phạt Nguyễn Mạnh Th 08 (Tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (Mười sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Bùi Đình Gi 08 (Tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (Mười sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 58; Điều 65 BLHS đối với các bị cáo Bùi Văn T, Bùi Văn T1:

Xử phạt Bùi Văn T 07 (Bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Bùi Văn T1 07 (Bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Mạnh Th cho Ủy ban nhân dân xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao các bị cáo Bùi Văn T, Bùi Văn T1, Bùi Đình Gi cho Ủy ban nhân dân xã Thành An, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 36; Điều 58 BLHS, xử phạt Đỗ Anh T2 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ 12 (Mười hai) ngày do quy đổi 04 (Bốn) ngày tạm giữ trước đó vào thời gian chấp hành hình phạt. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan, đơn vị được giao giám sát, giáo dục nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ sung Ngân sách Nhà nước. Khoản này bằng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)/01 tháng.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 36; Điều 58 BLHS, xử phạt Bùi Văn H 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ 09 (Chín) ngày do quy đổi 03 (Ba) ngày tạm giữ trước đó vào thời gian chấp hành hình phạt. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan, đơn vị được giao giám sát, giáo dục nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ sung Ngân sách Nhà nước. Khoản này bằng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)/01 tháng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 BLHS đối với Trịnh Xuân L và Phạm Đức H1:

Xử phạt Trịnh Xuân L 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ 09 (Chín) ngày do quy đổi 03 (Ba) ngày tạm giữ trước đó vào thời gian chấp hành hình phạt. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan, đơn vị được giao giám sát, giáo dục nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ sung Ngân sách Nhà nước. Khoản này bằng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng)/01 tháng.

Xử phạt Phạm Đức H1 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ 09 (Chín) ngày do quy đổi 03 (Ba) ngày tạm giữ trước đó vào thời gian chấp hành hình phạt. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan, đơn vị được giao giám sát, giáo dục nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ sung Ngân sách Nhà nước. Khoản này bằng 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng)/01 tháng.

Giao bị cáo Đỗ Anh T2 cho Ủy ban nhân dân thị trấn Kim Tân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Trịnh Xuân L cho Ủy ban nhân dân xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao các bị cáo Bùi Văn H, Phạm Đức H1 cho Ủy ban nhân dân xã Thành An, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền Nguyễn Mạnh Th, Bùi Văn T, Bùi Văn T1, Bùi Đình Gi, Đỗ Anh T2, Bùi Văn H mỗi bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 10.250.000đ (Mười triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền này đang được gửi tại Kho bạc nhà nước huyện Thạch Thành theo Ủy nhiệm chi ngày 30/10/2018 của Công an huyện Thạch Thành. Tịch Thu tiêu hủy 36 lá bài tứ lơ khơ từ A (át) đến 9; 01 chiếc chiếu nhựa (Có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 30/10/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thạch Thành và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, các bị cáo Nguyễn Mạnh Th, Bùi Văn T, Bùi Văn T1, Bùi Đình Gi, Đỗ Anh T2, Bùi Văn H, Phạm Đức H1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Áp dụng điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Trịnh Xuân L.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, người bào chữa. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Công an Thạch Thành;
- VKSND Thạch Thành;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Anh Đức